TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **62**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2023
V/v: "Tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Đức Chung.
Bà Lê Thị Thanh Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa: Ông Lê Trọng M - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử công khai vụ án thụ lý số 289/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị S**, sinh năm: 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Tạm trú: Tổ 50, ấp 4, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm: 1988 (vắng mặt).
Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An.
Tạm trú: Tổ 50, ấp 4, xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2023 và lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn M tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/11/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do tính

tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm và mục đích hôn nhân không đạt nên chị xin được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc Thục A, sinh ngày 17/12/2013. Trường hợp ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn M trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị S tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/11/2012. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Nay chị S xin ly hôn anh tại Tòa án thì anh đồng ý.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc Thục A, sinh ngày 17/12/2013. Trường hợp ly hôn anh đồng ý giao con chung cho chị S nuôi dưỡng, anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Từ khi thụ lý, quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị S và anh Nguyễn Văn M là hôn nhân hợp pháp, anh chị sống với nhau từ năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2012 tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng ý kiến, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị S có yêu cầu ly hôn với M. Anh M thừa nhận cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cũng đồng ý ly hôn với chị S. Như vậy có cơ sở để xác định đời sống hôn nhân của chị S và anh M có nhiều mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Áp dụng Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 85, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S với anh M.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc Thục A, sinh ngày 17/12/2013, anh chị thống nhất giao cháu Anh cho chị S nuôi dưỡng, anh M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng, do đó căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị giao cháu Anh cho chị S nuôi dưỡng, yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị S và bị đơn anh Nguyễn Văn M có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh M theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn M có đăng ký tạm trú và đang sinh sống tại xã T, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

[3]. Về nội dung: Chị Lê Thị S và anh Nguyễn Văn M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/11/2012. Quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hòa hợp nên thường xảy ra mâu thuẫn. Vợ chồng chị S, anh M đã ly thân từ tháng 01/2023 đến nay mà không hàn gắn đoàn tụ được. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt, chị S xin ly hôn anh M tại Tòa án.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị S về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M thì thấy rằng: Chị S, anh M kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Y, tỉnh Nghệ An vào ngày 28/11/2012 nên xác định hôn nhân giữa chị S, anh M là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Tại bản tự khai ngày 08/5/2023 anh M có ý kiến đồng ý ly hôn với chị S. Xét thấy, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng,

quá trình ly thân đã lâu nhưng vợ chồng không bàn bạc đoàn tụ chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt. Do đó không thể buộc một cuộc hôn nhân tồn tại mà không có hạnh phúc. Mặt khác anh M cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Lê Thị S, xử cho chị Lê Thị S được ly hôn anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Lê Ngọc Thục A, sinh ngày 17/12/2013. Trường hợp ly hôn chị S, anh M thỏa thuận giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Xét việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Lê Ngọc Thục A nên ghi nhận.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xét.

[4] Về án phí: Chị S là người nộp đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 228, 235, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị S về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Xử cho chị Lê Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Lê Ngọc Thục A, sinh ngày 17/12/2013 cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Nghĩa

vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Sau khi ly hôn chị S, anh M vẫn phải có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Anh M có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh M thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0009318 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị S đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chị S, anh M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong các số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** *Nơi nhận*** :
- CCTHADS H. Long Thành;
- VKSND H. Long Thành;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi cấp giấy CNKH;
- Lưu văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**

Lê Thị Ánh Sáng – Nguyễn Văn Ba **Nguyễn Văn Thành**